

Số: /KH- UBND      Mường Lát, ngày      tháng      năm 2023

## KẾ HOẠCH

### **Phòng, chống suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn huyện Mường Lát.**

Căn cứ Quyết định số 5556/QĐ-BYT ngày 04/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt Kế hoạch hành động phòng, chống suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025;

Thực hiện Kế hoạch số: 163/KH-UBND ngày 17/6/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về Phòng, chống suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2022-2025;

Ủy ban nhân dân huyện Mường Lát xây dựng Kế hoạch Phòng, chống suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn huyện Mường Lát, cụ thể như sau:

#### **I. MỤC TIÊU**

##### **1. Mục tiêu chung:**

Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi, góp phần nâng cao tầm vóc và thể lực của trẻ em dưới 5 tuổi đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn huyện Mường Lát tỉnh Thanh Hoá.

##### **2. Mục tiêu cụ thể:**

*- Mục tiêu 1: Cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi và tình trạng thiếu năng lượng trường diễn của phụ nữ tuổi sinh đẻ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.*

+ Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi thể thấp còi xuống dưới 28,5% đến năm 2025;

+ Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi thể gày còm xuống dưới 7% đến năm 2025;

+ Giảm tỷ lệ phụ nữ tuổi sinh đẻ thiếu năng lượng trường diễn xuống dưới 12% đến năm 2025;

*- Mục tiêu 2: Cải thiện tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng trẻ dưới 5 tuổi và phụ nữ tuổi sinh đẻ, phụ nữ có thai vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.*

+ Duy trì tỉ lệ trẻ em dưới 5 tuổi được bổ sung vitamin A 02 đợt/năm đạt trên 98% đến năm 2025;

+ Duy trì tỉ lệ phụ nữ có thai vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được bổ sung viên đa vi chất từ khi mang thai đến 1 tháng sau sinh đạt trên 85% đến năm 2025.

**- Mục tiêu 3: Cải thiện số lượng và chất lượng bữa ăn của trẻ em dưới 5 tuổi và phụ nữ tuổi sinh đẻ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.**

+ Tăng tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng tuổi được nuôi hoàn toàn bằng sữa mẹ đạt trên 25% vào năm 2025;

+ Tăng tỷ lệ trẻ 6-23 tháng được ăn bổ sung đúng, đủ trên 50% vào năm 2025;

+ Tăng tỷ lệ phụ nữ tuổi sinh đẻ ăn đa dạng các loại thực phẩm đạt 55%;

+ Tỷ lệ hộ gia đình dùng muối i-ốt hàng ngày đạt trên 90%.

**- Mục tiêu 4: Tăng cường khả năng tiếp cận và chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai, trẻ sơ sinh và trẻ em dưới 2 tuổi vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.**

*Đến năm 2025*

+ Trên 65% phụ nữ đẻ được khám thai 4 lần trong 3 thai kỳ.

+ Trên 80% phụ nữ đẻ tại cơ sở y tế.

+ Trên 85% phụ nữ đẻ được người đỡ đẻ có kỹ năng hỗ trợ.

+ 90% phụ nữ có thai được cung cấp kiến thức, kỹ năng về lợi ích của việc chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ trong 1.000 ngày đầu đời.

+ 90% bà mẹ nuôi con nhỏ, người chăm sóc trẻ được cung cấp kiến thức, kỹ năng chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ.

**- Mục tiêu 5: Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của mạng lưới dinh dưỡng tại cộng đồng và cơ sở y tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.**

+ Bảo đảm 90% cán bộ chuyên trách dinh dưỡng tuyến huyện được đào tạo có chứng chỉ về chuyên ngành dinh dưỡng tối thiểu 1 tháng cho đến năm 2025;

+ Bảo đảm 80% cán bộ chuyên trách dinh dưỡng tuyến huyện, xã và y tế thôn bản được tập huấn, cập nhật kiến thức về chăm sóc dinh dưỡng bà mẹ và trẻ em;

+ Bảo đảm công tác giám sát dinh dưỡng theo quy định; các tình huống khẩn cấp về dinh dưỡng do thiên tai, thảm họa được xây dựng kế hoạch can thiệp kịp thời.

## **II. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG CAN THIỆP**

**1. Phạm vi:** Triển khai Kế hoạch tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn huyện Mường Lát.

**2. Đối tượng can thiệp:** Trẻ em dưới 5 tuổi (ưu tiên trẻ em dưới 2 tuổi), phụ nữ tuổi sinh đẻ (chú trọng phụ nữ có thai và bà mẹ cho con bú) tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn huyện Mường Lát.

## **III. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG**

## **1. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của người dân và xã hội:**

- Tuyên truyền, phổ biến các hướng dẫn, khuyến cáo về dinh dưỡng, trong đó chú trọng lợi ích của việc khám thai định kỳ và chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ có thai, hướng dẫn bà mẹ cho con bú sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu, cho trẻ ăn bổ sung đủ chất dinh dưỡng, bổ sung vi chất đầy đủ và hợp lý.

- Hàng năm, triển khai các chiến dịch truyền thông: “Ngày vi chất dinh dưỡng, 1-2/6”; “Tuần lễ Nuôi con bằng sữa mẹ, 1-7/8”; “Tuần lễ Dinh dưỡng và Phát triển, 16-23/10”.

- Xây dựng tài liệu truyền thông, tư vấn về sức khỏe và dinh dưỡng phù hợp với phương thức truyền thông và các nhóm đối tượng đặc thù là người dân tộc thiểu số, phối kết hợp trong các buổi truyền thông, các đợt khám thai định kỳ của bà mẹ, các đợt đưa trẻ đi tiêm vắc-xin, cân đo định kỳ hàng năm.

- Tổ chức thảo luận nhóm, thực hành dinh dưỡng tại xã /thôn bản cho bà mẹ (hoặc người chăm sóc trẻ) có con dưới 2 tuổi, trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng, phụ nữ có thai, phụ nữ cho con bú, cho trẻ gái vị thành niên, phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ; Lòng ghép hướng dẫn dinh dưỡng và chăm sóc sức khỏe sinh sản.

## **2. Cung cấp và can thiệp dinh dưỡng thiết yếu cho bà mẹ, trẻ em:**

- Tầm soát, đánh giá tình trạng dinh dưỡng của bà mẹ trong thời kỳ mang thai và trẻ em thông qua các hoạt động như theo dõi mức tăng cân của bà mẹ mang thai trong thai kỳ; theo dõi cân nặng của trẻ sơ sinh; theo dõi tăng trưởng và phát triển của trẻ dưới 2 tuổi và trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng định kỳ.

- Thực hiện tẩy giun định kỳ cho trẻ em và phụ nữ theo hướng dẫn của ngành y tế.

- Theo dõi tăng trưởng và phát triển của trẻ dưới 2 tuổi và trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng định kỳ.

- Theo dõi tăng trưởng và phát triển của trẻ dưới 5 tuổi tại cộng đồng và các trường mầm non.

- Nâng cấp cơ sở vật chất của các Trạm Y tế để đạt chuẩn cung cấp dịch vụ tư vấn về Nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo hướng dẫn của Viện Dinh dưỡng.

- Thực hiện quy trình cấp chứng nhận đạt chuẩn cho các phòng tư vấn Nuôi dưỡng trẻ nhỏ tại Trạm Y tế.

- Triển khai dịch vụ tư vấn dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai và trẻ em dưới 2 tuổi.

- Thực hiện giám sát hỗ trợ và báo cáo định kỳ hoạt động tư vấn nuôi dưỡng trẻ nhỏ.

- Cấp viên nang Vitamin A cho trẻ em từ 6 - 60 tháng tuổi, trẻ em dưới 6 tháng tuổi không được bú sữa mẹ, trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng, tiêu chảy, sỏi, viêm đường hô hấp cấp và bà mẹ trong vòng 1 tháng sau sinh.

- Bổ sung viên sắt/đa vi chất hàng ngày cho phụ nữ có thai và bà mẹ cho con bú.

- Bổ sung viên sắt/đa vi chất hàng tuần cho phụ nữ lứa tuổi sinh đẻ, trẻ gái vị thành niên.

- Quản lý và cung cấp gói điều trị trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng cấp tính theo Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh suy dinh dưỡng cấp tính ở trẻ từ 0 đến 72 tháng tuổi (Quyết định số 4487/QĐ-BYT ngày 18/8/2016 của Bộ Y tế) tại cơ sở Y tế và cộng đồng.

- Hỗ trợ phục hồi dinh dưỡng cho trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng các thể còn lại (suy dinh dưỡng cấp tính vừa, suy dinh dưỡng thể nhẹ cân/thấp còi).

### **3. Nâng cao năng lực mạng lưới cán bộ y tế làm công tác truyền thông**

- Kiện toàn chuyên trách dinh dưỡng các tuyến.

- Rà soát và bổ sung nhằm đảm bảo mỗi thôn/bản có ít nhất một y tế thôn bản được chi trả phụ cấp để thực hiện các hoạt động dinh dưỡng.

- Rà soát và bổ sung nhằm đảm bảo tuyến xã có cán bộ thực hiện công tác y tế học đường.

- Tổ chức đào tạo có chứng chỉ cho cán bộ dinh dưỡng tuyến huyện về dinh dưỡng cộng đồng.

- Tổ chức tập huấn cho người làm chuyên trách dinh dưỡng tuyến xã và y tế thôn bản, tập trung vào kỹ thuật đánh giá suy dinh dưỡng cấp tính và can thiệp dinh dưỡng trong 1.000 ngày đầu đời.

- Tập huấn, cập nhật kiến thức cho cán bộ y tế tuyến cơ sở, đội ngũ y tế thôn bản, các cô đỡ thôn, bản về các nội dung: Chăm sóc sức khỏe và đảm bảo dinh dưỡng hợp lý, tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu; hướng dẫn ăn bổ sung hợp lý cho trẻ dưới 2 tuổi; theo dõi tăng trưởng và phát triển của trẻ em dưới 2 tuổi.

- Tập huấn hàng năm cho cán bộ làm công tác y tế trường học các tuyến về các vấn đề liên quan đến dinh dưỡng (bao gồm đánh giá tình trạng dinh dưỡng, bữa ăn học đường, hoạt động thể lực, phòng chống suy dinh dưỡng).

### **4. Theo dõi, giám sát và đánh giá:**

- Xây dựng các chỉ số, báo cáo giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch.

- Thiết lập hệ thống theo dõi, thu thập thông tin phục vụ cho việc giám sát, đánh giá về kết quả thực hiện Kế hoạch.

- Thực hiện khảo sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Kế hoạch tại các địa phương.

- Hoàn thiện bộ công cụ và cải thiện khả năng sử dụng số liệu giám sát dinh dưỡng của cán bộ tuyến huyện nhằm hỗ trợ công tác vận động và xây dựng kế hoạch tại huyện.

- Cung cấp trang thiết bị đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ gồm cân, thước đo (chiều cao đứng/chiều dài nằm), thước đo vòng cánh tay, cân đặc chủng để đo cân nặng của trẻ sơ sinh cho huyện, xã và thôn bản.

- Cung cấp biểu đồ theo dõi tăng trưởng cho trẻ dưới 2 tuổi; trẻ dưới 5 tuổi.

- Xây dựng và phổ biến bộ chỉ số theo dõi, giám sát theo hướng tích hợp và thường dụng công nghệ thông tin.

#### **IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

##### **1. Giải pháp quản lý chỉ đạo, thực thi chính sách và phối hợp liên ngành:**

a) Triển khai thực hiện các chính sách, quy định pháp luật về dinh dưỡng và thực phẩm:

- Quán triệt, triển khai thực hiện Luật Trẻ em; Nghị định số 100/2014/NĐ-CP ngày 06/11/2014 của Chính phủ quy định về kinh doanh và sử dụng sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ, bình bú và vú ngậm nhân tạo; Nghị định số 09/2016/NĐ-CP ngày 28/01/2016 của Chính phủ quy định về tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm và các văn bản quy phạm pháp luật khác liên quan đến dinh dưỡng và khuyến khích nuôi con bằng sữa mẹ;

- Nghiên cứu, đề xuất các cấp có thẩm quyền bổ sung chính sách về bảo hiểm y tế để chi trả dịch vụ tư vấn và điều trị phục hồi cho trẻ bị suy dinh dưỡng cấp tính nặng; chính sách về dinh dưỡng cho trẻ em mắc các bệnh hiểm nghèo, bệnh chuyển hóa do di truyền và bệnh hiếm; chính sách huy động nguồn lực của ngân sách để thực hiện Kế hoạch;

- Đề xuất, bổ sung các chính sách hỗ trợ, bảo đảm an ninh lương thực, thực phẩm cho vùng nghèo vùng thường xuyên bị thiên tai; chính sách để khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư sản xuất và cung ứng các sản phẩm dinh dưỡng đặc thù hỗ trợ cho vùng nghèo, vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đặc biệt là cho phụ nữ có thai, trẻ em dưới 5 tuổi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

b) Đưa chỉ tiêu giảm suy dinh dưỡng thấp còi là một trong các chỉ tiêu phát triển kinh tế, xã hội của các địa phương.

c) Xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành, xã hội hóa để đẩy mạnh và tăng cường đầu tư cho hoạt động dinh dưỡng; có chính sách, giải pháp huy động, khuyến khích các tổ chức xã hội và doanh nghiệp tham gia thực hiện Kế hoạch.

##### **2. Giải pháp về truyền thông và vận động xã hội:**

- Sử dụng mạng lưới truyền thông từ huyện đến thôn, bản để tuyên truyền, phổ biến, vận động các cấp, các ngành, đoàn thể và người dân thực hiện các chủ trương chính sách pháp luật, các hướng dẫn, khuyến cáo về dinh dưỡng.

- Tăng cường cung cấp các tài liệu, chương trình truyền thông, tư vấn về sức khỏe và dinh dưỡng phù hợp với đặc thù của người dân tộc thiểu số, chú

trọng nâng cao hiểu biết và thực hành dinh dưỡng hợp lý của phụ nữ, trẻ em, cha mẹ, người chăm sóc trẻ, giáo viên.

- Tăng cường truyền thông trực tiếp đến các đối tượng, vùng miền có tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi cao như các thôn, bản vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, hộ nông dân nghèo và cận nghèo. Nhân rộng các mô hình truyền thông trực tiếp có hiệu quả như phòng tư vấn nuôi dưỡng trẻ, nhóm hỗ trợ nuôi dưỡng trẻ, câu lạc bộ dinh dưỡng, thăm hộ gia đình, nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng;

- Vận động cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp sản xuất và cung ứng thực phẩm an toàn có tính chất đặc thù vùng/miền, dân tộc.

### **3. Giải pháp về chuyên môn nghiệp vụ:**

a) Tập trung chăm sóc dinh dưỡng cho 1.000 ngày đầu đời, bao gồm chăm sóc dinh dưỡng hợp lý cho bà mẹ trước, trong và sau sinh; nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu; ăn bổ sung đầy đủ, cân đối cho trẻ dưới 2 tuổi; thực hiện theo dõi tăng trưởng và phát triển của trẻ; đảm bảo nước sạch, vệ sinh cá nhân (bao gồm rửa tay thường xuyên với xà phòng) và vệ sinh môi trường.

b) Can thiệp dinh dưỡng cho những đối tượng có nguy cơ cao:

- Bổ sung viên nang Vitamin A cho trẻ em và bà mẹ sau sinh; bột đa vi chất cho trẻ em; viên sắt/đa vi chất cho trẻ gái vị thành niên, phụ nữ lứa tuổi sinh đẻ, phụ nữ có thai và cho con bú; kẽm cho trẻ tiêu chảy.

- Thực hiện tẩy giun định kỳ cho trẻ em và phụ nữ theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

- Tăng cường công tác quản lý và điều trị suy dinh dưỡng cấp tính ở trẻ em; hỗ trợ dinh dưỡng cho các đối tượng có nguy cơ, vùng có thiên tai, thảm họa, dịch bệnh.

c) Nghiên cứu, đề xuất xây dựng các chương trình, dự án và các giải pháp can thiệp đặc hiệu góp phần cải thiện tình trạng dinh dưỡng, nâng cao thể lực và thể chất của người dân khu vực miền núi, vùng nghèo, khó khăn, dân tộc thiểu số trên địa bàn .

d) Triển khai các hoạt động dinh dưỡng hợp lý cho trẻ tại trường mầm non:

- Giáo dục, truyền thông, tư vấn thay đổi hành vi cho trẻ và cha mẹ trẻ về nhu cầu dinh dưỡng, dinh dưỡng hợp lý và tăng cường vận động thể lực;

- Hướng dẫn, tổ chức bữa ăn cho trẻ bảo đảm dinh dưỡng hợp lý tại các trường mầm non bán trú;

- Hướng dẫn tăng cường hoạt động thể lực, duy trì thường xuyên, hiệu quả các hoạt động thể chất trong chương trình chính khóa và ngoại khóa, tăng cường vận động thể lực thông qua các sinh hoạt, vui chơi giải trí có tính chất vận động ở trường và hạn chế thời gian ngồi lâu tại chỗ;

- Theo dõi tình trạng dinh dưỡng của trẻ, duy trì tẩy giun định kỳ tại những khu vực có tỷ lệ nhiễm giun cao.

e) Cải thiện về số lượng, nâng cao chất lượng bữa ăn của người dân:

- Xây dựng các kế hoạch và hướng dẫn bảo đảm an ninh thực phẩm, đặc biệt ở những địa bàn dễ bị ảnh hưởng bởi thiên tai, bão lũ; thúc đẩy mô hình sản xuất để tạo nguồn thực phẩm sẵn có, đảm bảo chất lượng cho bữa ăn tại gia đình.

- Xây dựng và phổ biến các hướng dẫn cho người dân về chế độ dinh dưỡng và hoạt động thể lực hợp lý.

g) Tăng cường hoạt động khám sàng lọc dinh dưỡng; nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ tư vấn và phục hồi dinh dưỡng.

h) Nâng cao năng lực của hệ thống giám sát dinh dưỡng, hoàn thiện bộ công cụ và các chỉ số giám sát, quản lý cơ sở dữ liệu và cung cấp thông tin phục vụ xây dựng và triển khai Kế hoạch; tăng cường năng lực giám sát trong tình huống khẩn cấp.

k) Theo dõi, giám sát thường quy và tổ chức các điều tra, khảo sát định kỳ nhằm đánh giá tiến độ và kết quả thực hiện của Kế hoạch.

#### **4. Giải pháp về nguồn lực:**

- Củng cố và phát triển đội ngũ cán bộ làm công tác dinh dưỡng, đặc biệt là mạng lưới cán bộ chuyên trách xã và y tế thôn, bản ở tuyến cơ sở.

- Nâng cao năng lực chuyên môn và quản lý điều hành các chương trình, hoạt động dinh dưỡng cho cán bộ ở các tuyến và các phòng, ban, ngành liên quan. Huy động sự tham gia của cộng tác viên công tác xã hội thuộc các cơ quan, đoàn thể chính trị - xã hội các cấp.

- Xây dựng tài liệu đào tạo, tập huấn liên quan đến chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời, dinh dưỡng và hoạt động thể lực, tư vấn dinh dưỡng và các hướng dẫn chuyên môn, kỹ thuật liên quan khác và tài liệu truyền thông giáo dục dinh dưỡng trong trường mầm non.

- Cung cấp và duy trì đầy đủ các vật tư, trang thiết bị cần thiết để đảm bảo triển khai các can thiệp dinh dưỡng tại tuyến cơ sở;

- Tăng cường vận động, bố trí ngân sách Nhà nước (Trung ương và địa phương), các tổ chức quốc tế, nguồn xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác.

#### **5. Giải pháp về khoa học công nghệ:**

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin để quản lý và cung cấp thông tin về dinh dưỡng và an toàn thực phẩm.

### **V. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN**

- Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch được sử dụng từ nguồn kinh phí ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn kinh phí hợp pháp khác; được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ y tế, dân số; thực hiện lồng ghép với các chương trình, dự án có liên quan theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

- Nguồn kinh phí được phân bổ (nếu có) từ nguồn dự án chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số, phòng

chống suy dinh dưỡng trẻ em thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 theo Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội.

- Tăng cường xã hội hóa, đa dạng hóa các nguồn lực tài chính; huy động sự tham gia, đóng góp, hỗ trợ các tổ chức trong và ngoài nước, đặc biệt trong việc sản xuất và cung ứng các vi chất dinh dưỡng cho phụ nữ có thai và trẻ em.

## **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Trung tâm Y tế:**

- Là cơ quan đầu mối, chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành có liên quan, UBND các xã, thị trấn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tổ chức triển khai thực hiện, theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện Kế hoạch này theo mục tiêu, chỉ tiêu đề ra.

- Rà soát, đề xuất kinh phí thực hiện Kế hoạch hàng năm, gửi phòng Tài chính KH để cân đối, bố trí, báo cáo UBND huyện đưa vào dự toán ngân sách hàng năm, trình HĐND huyện xem xét, quyết định.

- Phối hợp với Trung tâm Văn hóa TTTTDL huyện để xây dựng, phát sóng các chuyên mục, chuyên đề về công tác triển khai thực hiện Kế hoạch này.

- Tăng cường đào tạo, phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để thực hiện Kế hoạch; lồng ghép các hoạt động dinh dưỡng vào các chương trình hoạt động thường xuyên của các ngành, đoàn thể, các chương trình, dự án để đạt các mục tiêu về phòng chống suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2022-2025 của huyện.

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, ngành tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá, định kỳ sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm việc thực hiện Kế hoạch này.

- Báo cáo Sở Y Tế, UBND huyện và các cơ quan liên quan về kết quả thực hiện Kế hoạch theo quy định.

### **2. Phòng Tài chính KH:**

- Căn cứ khả năng ngân sách và kế hoạch được phê duyệt, phối hợp với Trung tâm Y tế và các cơ quan liên quan thẩm định, trình UBND huyện bố trí dự toán kinh phí để triển khai Kế hoạch theo quy định.

- Gắn chỉ tiêu giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em và đưa vào hệ thống chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội của huyện và mỗi địa phương; sử dụng số liệu dinh dưỡng hàng năm, 5 năm phục vụ cho việc xây dựng kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

### **3. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:**

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, ngành liên quan thực hiện đảm bảo an ninh lương thực, thực phẩm; hướng dẫn các địa phương phát triển mô hình sinh thái vườn, ao, chuồng; triển khai chương trình nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn; đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trong sản xuất nông lâm và thủy sản cung cấp cho người tiêu dùng.



- Đẩy mạnh việc quản lý và sử dụng an toàn hóa chất, các chất kích thích tăng trưởng trong nông nghiệp nhằm đảm bảo cung cấp thực phẩm an toàn.

#### **4. Phòng Giáo dục và Đào tạo:**

Phối hợp với Trung tâm Y tế triển khai các hoạt động tại Kế hoạch này đến các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn huyện; chỉ đạo các cơ sở giáo dục phối hợp và triển khai thực hiện các hoạt động truyền thông, chăm sóc dinh dưỡng và sức khỏe cho trẻ trên địa bàn; nâng cao hiệu quả công tác y tế trường học và công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ dưới 5 tuổi.

#### **5. Phòng Văn hóa thông tin:**

- Phối hợp với Trung tâm Y tế chỉ đạo, hướng dẫn ban văn hóa các xã thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền về Chiến lược Cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em, dinh dưỡng hợp lý, chăm sóc sức khỏe bà mẹ khi có thai, chăm sóc sơ sinh, trẻ nhỏ, nuôi con bằng sữa mẹ, chế độ ăn bổ sung đối với trẻ nhỏ, góp phần nâng cao tầm vóc và thể lực của trẻ em dưới 5 tuổi đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn huyện Mường Lát.

- Phối hợp với Trung tâm Y tế và các phòng, ngành liên quan trong việc kiểm soát quảng cáo về dinh dưỡng và thực phẩm liên quan trên báo chí, trên môi trường mạng, trên quảng cáo tích hợp trên các sản phẩm, dịch vụ bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin theo quy định của pháp luật.

#### **6. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội:**

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách trợ giúp xã hội, chính sách giảm nghèo nhằm hỗ trợ trẻ em và gia đình được tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản, ổn định sinh kế và nâng cao chất lượng cuộc sống, từ đó góp phần cải thiện tình trạng dinh dưỡng, nâng cao thể lực giúp các em phát triển toàn diện; quan tâm đối tượng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em thuộc hộ nghèo, trẻ em vùng đồng bào dân tộc thiểu số và khu vực miền núi trên địa bàn huyện.

#### **7. Phòng Dân tộc:**

- Phối hợp với Trung tâm Y tế và lồng ghép với các chương trình, dự án do Phòng được giao thực hiện để tuyên truyền vận động đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thực hiện chế độ dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời, từ bỏ các hủ tục tập quán lạc hậu để thực hiện các hành vi có lợi cho sức khỏe bà mẹ, trẻ em.

- Phối hợp với Trung tâm Y tế, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn xây dựng và thực hiện các mô hình triển khai tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

#### **8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và các hội, đoàn thể trong huyện:**

- Vận động hội viên và gia đình hội viên thực hiện chế độ chăm sóc dinh dưỡng đối với phụ nữ có thai, trẻ em dưới 2 tuổi, chú trọng các nội dung như chăm sóc bà mẹ trước sinh, tư vấn, hướng dẫn bà mẹ nuôi con bằng sữa mẹ đúng cách, cho trẻ ăn dặm đầy đủ chất, bổ sung vi chất phòng chống suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi.

- Phối hợp chặt chẽ với ngành Y tế và các ngành, các cấp chính quyền địa phương tổ chức thực hiện Kế hoạch này theo mục tiêu, chỉ tiêu đề ra; phối hợp thực hiện xã hội hóa công tác chăm sóc dinh dưỡng.

**9. Các phòng, ban ngành, đơn vị có liên quan:** Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm phối hợp với Trung Y tế trong việc triển khai Kế hoạch này, báo cáo kết quả thực hiện theo hướng dẫn của ngành y tế.

**10. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn:**

- Căn cứ vào Kế hoạch này và tình hình thực tế tại địa phương để xây dựng Kế hoạch hàng năm của địa phương và tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược Cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em; đẩy mạnh công tác phối hợp liên ngành trong việc triển khai thực hiện; gắn với các chỉ tiêu về dinh dưỡng trong hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; trong việc xây dựng nông thôn mới; thực hiện kiểm tra, giám sát và báo cáo kết quả thực hiện Chiến lược theo quy định.

- Triển khai thực hiện lồng ghép các nội dung hoạt động của chương trình trên địa bàn, bố trí ngân sách, nhân lực, cơ sở vật chất để triển khai thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch tại địa phương.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, tổng hợp, hàng năm báo cáo kết quả thực hiện chương trình gửi về Trung tâm Y tế để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân huyện.

Trên cơ sở Kế hoạch này, các phòng, ban, ngành, đoàn thể cấp huyện, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Sở Y tế tỉnh Thanh Hóa (b/c);
- Thường trực: huyện ủy, HĐND huyện (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể cấp huyện (t/h);
- UBND các xã, thị trấn (t/h);
- Lưu: VT, TTYT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Mai Xuân Giang**